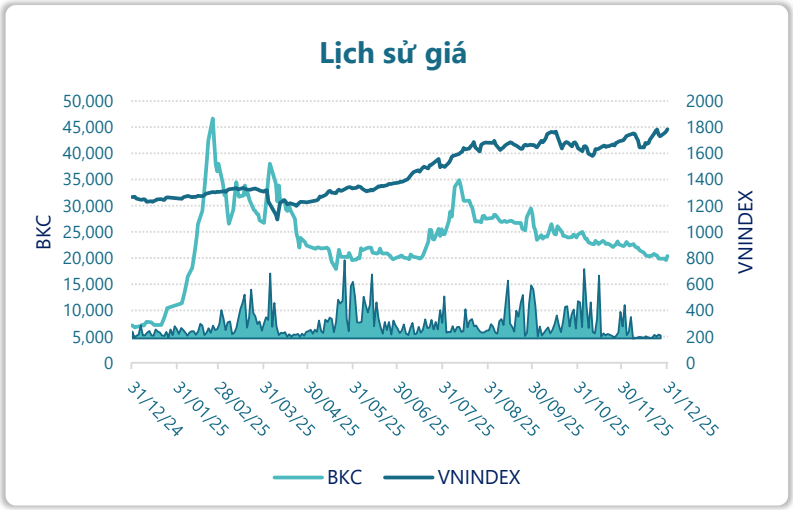
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,750
SL cổ phiếu LH	23,475,456
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,830
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	479
P/E	5.9
EPS	3,438

DT thuần

Q4/25

229

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 68.6%

YoY: ▼10.0| -4.1%

LN sau thuế

Q4/25

29.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.90| -23.0%

YoY: ▼0.20| -0.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

22.2%

+/- YoY: ▲ 9.2%

DT thuần

2025

487

tỷ VNĐ

YoY: ▼80.0| -14.2%

LN sau thuế

2025

81.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.3| 56.5%

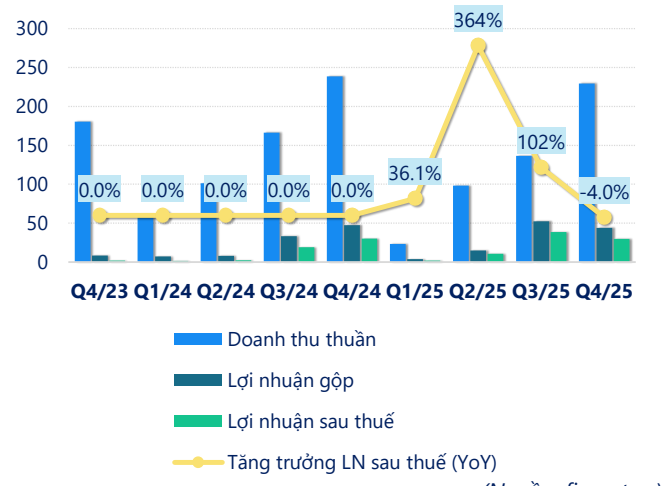
ROE

2025

27.0%

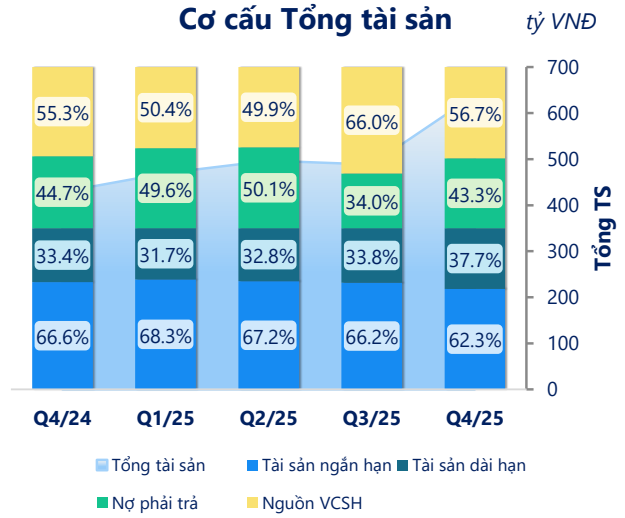
+/- YoY: ▲ 2.2%

Kết quả kinh doanh



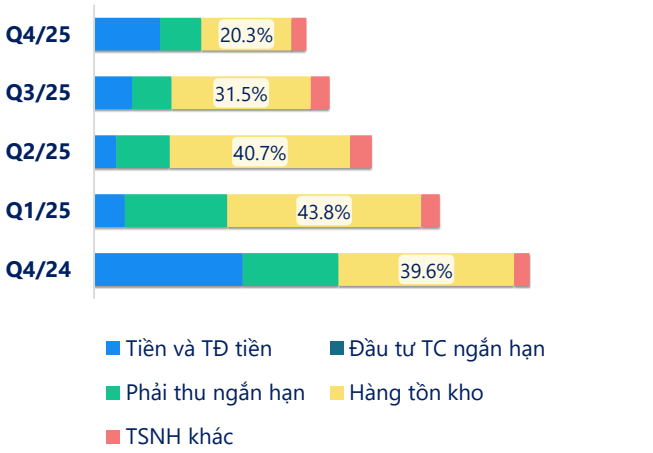
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



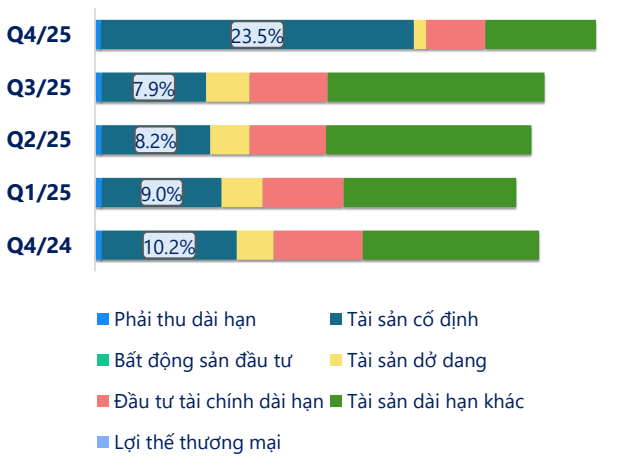
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



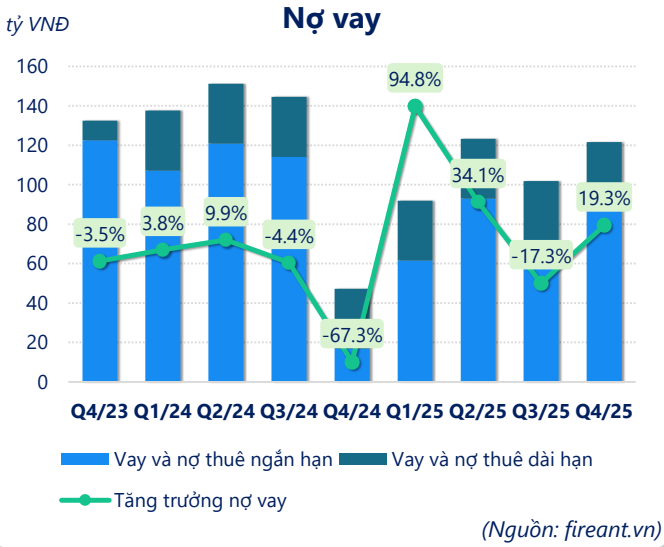
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



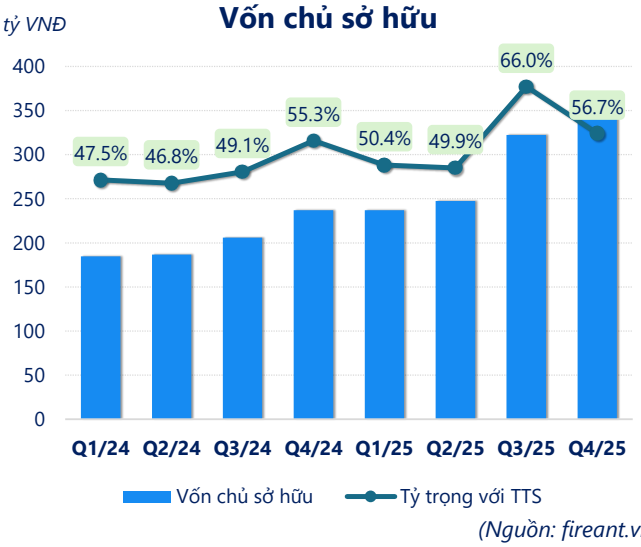
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



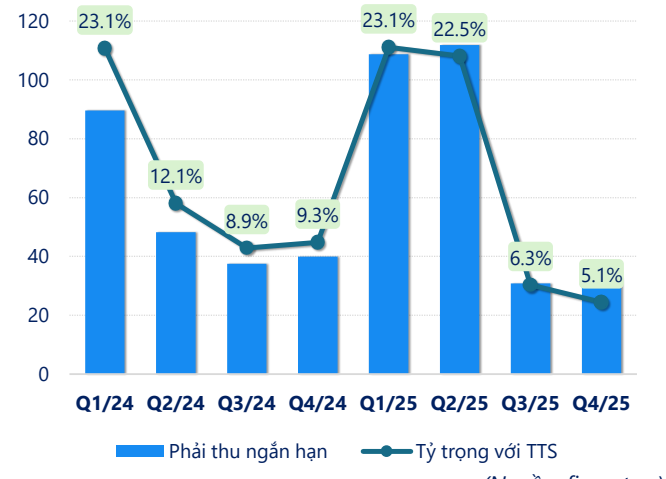
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



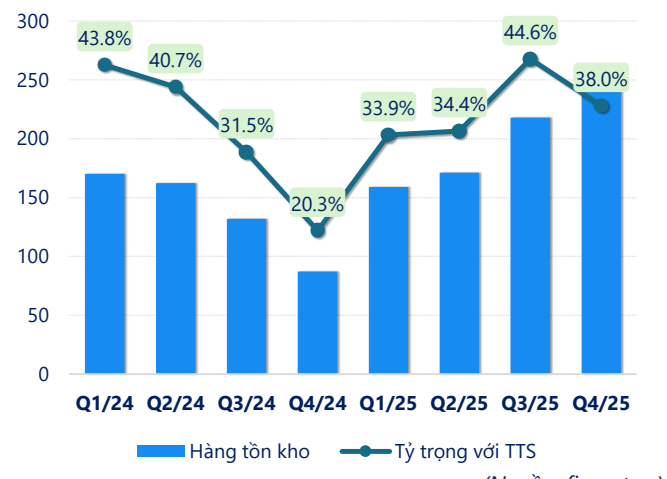
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



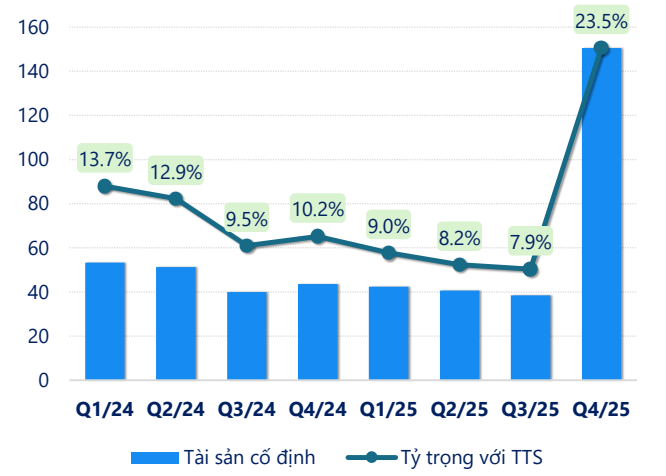
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



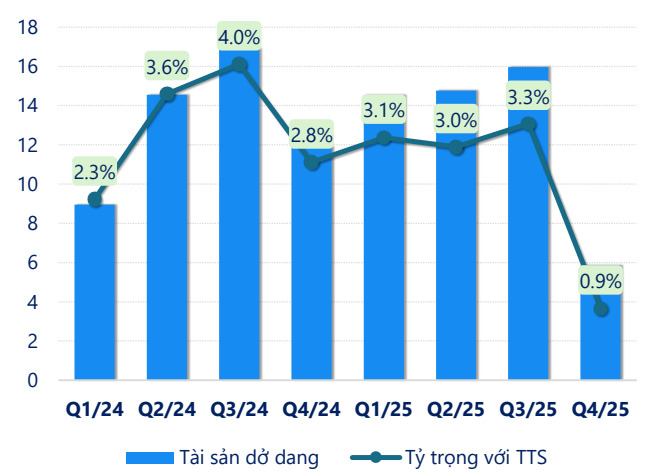
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



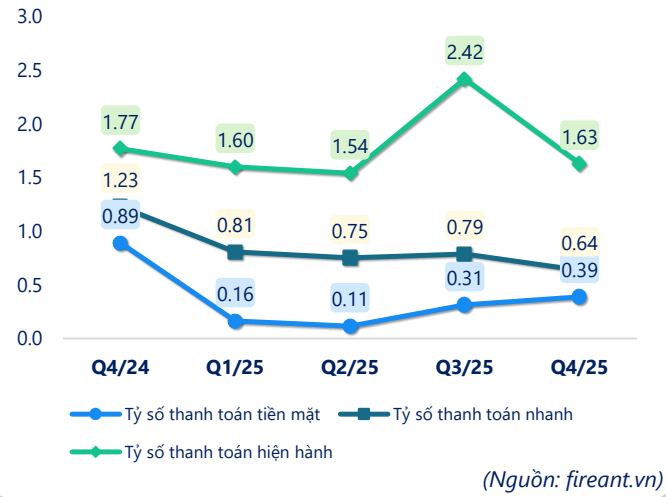
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



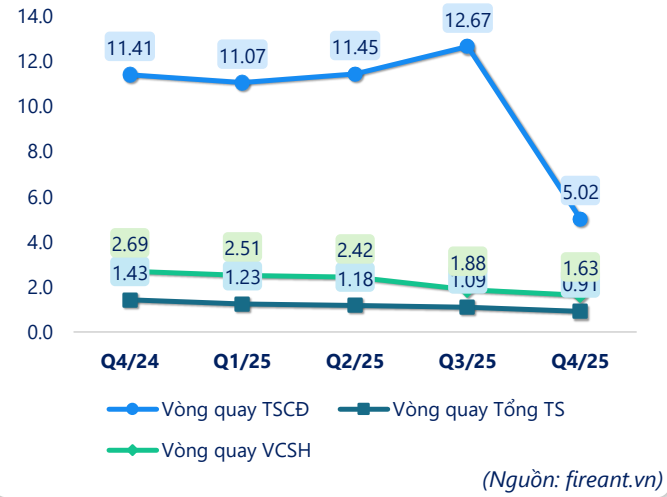
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**429**	**470**	**497**	**488**	**639**
Tài sản ngắn hạn	**285**	**321**	**334**	**323**	**398**
Tiền và tương đương tiền	144	32.8	24.9	41.7	95.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	40.0	109	112	30.9	32.5
Hàng tồn kho	87.1	159	171	218	243
Tài sản ngắn hạn khác	14.6	20.3	25.8	32.7	27.7
Tài sản dài hạn	**143**	**149**	**163**	**165**	**241**
Phải thu dài hạn	2.14	2.39	2.39	2.44	2.81
Tài sản cố định	43.6	42.4	40.6	38.4	151
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.9	14.5	14.8	16.0	5.86
Đầu tư tài chính dài hạn	28.7	28.6	28.6	28.6	28.6
Tài sản dài hạn khác	56.8	61.0	76.7	79.7	53.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**192**	**233**	**249**	**166**	**277**
Nợ ngắn hạn	**161**	**200**	**217**	**134**	**244**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.8	61.5	92.9	71.5	91.2
Phải trả người bán ngắn hạn	93.6	90.0	88.7	21.6	83.8
Nợ dài hạn	30.4	32.4	32.4	32.4	32.4
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	30.4	30.4	30.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**237**	**237**	**248**	**322**	**362**
Vốn chủ sở hữu	**237**	**237**	**248**	**322**	**362**
Vốn điều lệ	117	117	117	271	235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)